

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 21/6/2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Quốc Bảo
- Ông Trần Văn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Ngoãn - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Lý Thị Nhiên -
Kiểm sát viên

Trong các ngày 17 và ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị N: Luật sư Lương Thị Hồng M – Văn phòng luật sư Lương Hồng M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B và Luật sư Dư Văn P - Văn Phòng Luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B

- Bị đơn: Anh Trương Minh Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trương Minh H1, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

- + Ông Đặng Văn T, địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu
 - + Anh Trương Chí Đ, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu
 - + Ông Nguyễn Văn D và bà Đoàn Thị H2; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu
 - + Ông Đặng Văn V; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu
 - + Ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu
- (Chị N, anh Q có mặt; Luật sư Lương Thị Hồng M có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị N và anh Trương Minh Q kết hôn với nhau vào năm 2001, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đã được UBND xã V cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/4/2005. Trong thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay chị N nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh Trương Minh Q. Tại phiên Tòa chị N xác định việc đăng ký kết hôn đã lâu chị cũng không nhớ và cũng không có ký vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Trương Chí Đ, sinh năm 2002 và Trương Ngọc M1, sinh năm 2009. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trương Ngọc M1. Yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung thì chị N xác định có có tài sản chung là:*

+ Diện tích đất 15.600m², tọa lạc tại: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu hiện diện tích đất trên do cha chồng là ông Trương Minh H1 cho vợ chồng chị quản lý sử dụng từ năm 2005 đến nay nhưng chưa sang tên cho vợ chồng chị, hiện nay ông Trương Minh H1 vẫn đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất nêu trên.

+ Diện tích đất 10.400m², tọa lạc tại: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất trên do cha chồng là ông Trương Minh H1 cho vợ chồng chị quản lý sử dụng từ năm 2005 đến nay đã được ông H1 sang tên cho ông Trương Minh Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất trên vợ chồng tôi sử dụng từ năm 2005 nhờ đường nước của người khác. Năm 2012, vợ chồng chị có sang của ông Đặng Văn T, địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu đường

nước vào ruộng diện tích ngang 3m x dài 150m, tổng diện tích khoảng 450m² với giá 01 cây vàng 24K quy ra tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất trên chồng tôi ông Trương Minh Q đang đứng tên quyền sử dụng đất; Giá trị diện tích đất trên khoảng 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

+ Vợ chồng còn có tài sản chung là số tiền sang đất 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), hiện giờ chị N còn đang giữ số tiền này.

+ Ngoài ra vợ chồng còn có 02 xe máy: 01 xe Nouvo, mang biển kiểm soát 94E1. 06197, do ông Trương Minh Q đứng tên giấy đăng ký xe. (giấy đăng ký xe Trương Minh Q1 đang giữ). 01 xe Elegant, mang biển kiểm soát 94AH020.55, do ông Trương Minh Q đứng tên giấy đăng ký xe. (giấy đăng ký xe ông Trương Minh Q đang giữ).

Khi ly hôn chị N yêu cầu được nhận 50% giá trị toàn bộ diện tích đất nêu trên, 50% số tiền chị N đang giữ và 01 xe Elegant, mang biển kiểm soát 94AH 02055 cho cháu Trương Chí Đ sử dụng đi học.

- Về nợ chung: Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trương Minh Q trả lại 50% số tiền mà chị N đã chi cho việc học tập và sinh hoạt của cháu Trương Chí Đ với số tiền là 103.675.000 đồng

Chị N có đơn yêu cầu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu phân tài sản như sau:

+ Đối với diện tích đất Diện tích đất 10.400m², tọa lạc tại: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Thực tế qua quá trình giải quyết vụ án thì chị N xác định lại đất có diện tích là 10.204,8m² đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do anh Trương Minh Q đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị N yêu cầu chia đôi diện tích đất trên cho chị. Chị được nhận giá trị

+ Đối với đường nước chuyển nhượng của ông Đặng Văn T, diện tích là 576,7m², thuộc một phần thửa 803, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại chị N xin rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Trương Minh Q trình bày tại các lời khai:

Về hôn nhân: Anh Q đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung có 02 con chung là Trương Chí Đ, sinh năm 2002 và Trương Ngọc M1, sinh năm 2009. Khi ly hôn anh tôn trọng quyết định của Trương Ngọc M1 là ở chung với cha

hay mẹ. Trường hợp cháu M1 có nguyện vọng ở với chị N thì anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về phần tài sản chung thì anh không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị N. Vợ chồng anh gồm có 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng V1 do chị Nguyễn Thị N đang đứng tên 01 sổ là 150.000.000 đồng và 01 sổ 260.000.000 đồng; 02 lượng vàng 24K và 02 lượng vàng 18K, hiện nay 04 lượng vàng trên do chị N quản lý; 01 đường nước ngang 4m x dài 150m, vợ chồng anh chuyển nhượng của ông Đặng Văn T với giá là 50.000.000 đồng.

Đối với diện tích là 10.204,8m² đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do anh đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông Trương Minh H1 là cha của anh cho anh đứng tên dùm chứ không phải là cho anh luôn. Hiện tại thì giao dịch cổ đất và mướn đất giữa anh và vợ chồng bà T2, ông T3 hai bên đã thỏa thuận chấm dứt, anh đang quản lý sử dụng. Việc chị N yêu cầu chia anh không đồng ý.

Nếu chị N không yêu cầu chia tài sản là các diện tích đất (kể cả đường nước đã chuyển nhượng của ông T) thì anh đồng ý tiếp tục giao 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng V1 do chị Nguyễn Thị N đang đứng tên 01 sổ là 150.000.000 đồng và 01 sổ 260.000.000 đồng; 02 lượng vàng 24K và 02 lượng vàng 18K, cho chị N. Tuy nhiên chị N phải làm lại 01 cuốn sổ tiết kiệm cho cháu Trương Ngọc M1 đứng tên 100.000.000 đồng đến khi cháu M1 tròn 18 tuổi thì giao lại cho sử dụng.

Đối với các diện tích đất còn lại mà chị N có yêu cầu thì anh không biết. Đất là của là của ông Trương Minh H1 không có liên quan gì đến tài sản chung của hai vợ chồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T trình bày: Xác định ông có chuyển nhượng cho chị N và anh Q đường nước ngang khoảng 4m x dài 150m. Ông đã giao đất cho chị N, anh Q1 sử dụng nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Vào ngày 18/5/2023 thì chị và chồng là ông Võ Văn T4 có có 04 công đất và mướn 04 công đất của anh Trương Minh Q. Việc vợ chồng chị cổ và mướn đất của ông Q thì giữa hai bên tự thỏa thuận với nhau không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Chí Đ trình bày: Anh là con ruột của anh Trương Minh Q và chị Nguyễn Thị N, hiện nay anh đang đi học tại Trường Đại học Bách Khoa Thành phố H, và anh xác định có nhận tiền 207.350.000 đồng từ chị N để chăm lo việc học hành, chi phí sinh hoạt cho bản thân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Minh H1 trình bày tại bản tự khai ngày 18/8/2022: Khoảng năm 2009, ông có cho con ông một phần đất để sử dụng. Phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

con ông là anh Trương Minh Q với diện tích 10.204,8m² đất tọa lạc tại ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T4, ông Nguyễn Văn D, bà Đoàn Thị H2 không có lời khai, lời trình bày tại tòa.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị N là Luật sư Dư Văn P và Luật sư Lương Thị Hồng M (gửi bản luận cứ bảo vệ nguyên đơn đề ngày 14/6/2024) cùng thống nhất trình bày:

- Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trương Minh Q

- Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc M1 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Trương Minh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M1 theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu M1 tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị N yêu cầu chia tài sản chung gồm:

1. Phần đất 10.204,8m² tại thửa 14, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Minh Q vào năm 2004, đến năm 2009 cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc phần đất này theo chị N xác định là của cha mẹ chồng cho vợ chồng từ năm 2003, vợ chồng cùng quản lý, sử dụng đến khi chị ly thân với anh Q.

Theo anh Q xác định, đất này là của cha mẹ ruột của mình nhờ đứng tên dùm, chứ không cho anh và chị N. Quá trình đi làm thủ tục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cha anh ông Trương Minh H1 đi làm.

Tại Công văn 173/UBND ngày 23/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của TAND huyện Phước Long với nội dung: *“Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 13, diện tích 10.204,8m², địa chỉ thửa đất ấp Bình Tốt B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất là ông Trương Minh Q và vợ bà Nguyễn Thị N. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là cấp cho vợ chồng ông Q và bà N. Tuy nhiên, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có tên ông Trương Minh Q là do sơ suất trong quá trình in ấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.*

Như vậy, nếu xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Minh H1 là người trực tiếp đi làm thì đã thể hiện ý chí, tinh thần của ông H1 là cho vợ chồng anh Q và chị N phần đất này vì trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện người sử dụng đất là cả hai vợ chồng, Đơn xin xác nhận chưa làm Giấy chứng minh nhân dân của anh Trương Minh Q và chị Nguyễn Thị N để bổ túc hồ sơ đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ đó, tôi cho rằng phần đất này đã được ông Trương Minh H1 cho vợ chồng anh Q và chị N nên việc chị N yêu cầu chia tài sản này là phù hợp.

Đối với phần đất này chị N yêu cầu chia đôi và nhận giá trị. Mặc dù, tài sản này là do cha mẹ chồng cho nhưng vợ chồng anh Q và chị N đã cùng quản lý, sử dụng, tôn tạo, gìn giữ từ năm 2003 đến cuối năm 2021. Hiện tại chị N đang nuôi cả 02 con, trong đó: Cháu Trương Chí Đ mặc dù đã thành niên, nhưng cháu hiện đang học đại học năm thứ 3 tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố H, học phí và chi phí sinh hoạt mỗi năm gần 160.000.000 đồng, cháu chưa lao động kiếm tiền để tự nuôi sống bản thân, hiện tại còn 02 năm nữa cháu mới ra trường với chi phí học tập khoảng 300.000.000 đồng. Cháu Trương Ngọc M1 đang học lớp 9, chi phí học tập và sinh hoạt mỗi tháng hơn 4.000.000 đồng. Từ thời điểm vợ chồng ly thân là cuối năm 2021 đến nay mọi chi phí học tập và sinh hoạt của 02 con đều do chị N là người chi trả, anh Q không đưa khoản tiền nào chu cấp cho 02 con, điều này được anh Q thừa nhận tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2022: *“Cháu M1 đang sống với mẹ, còn cháu Đ đã trên 18 tuổi, đang đi học đại học năm 2 ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tiền chu cấp cho cháu Đ đi học kể từ khi vợ chồng sống ly thân là do chị N lo”*.

Bản thân chị N là một người phụ nữ, không có việc làm, từ khi ly thân phải sống nương tựa vào gia đình cha mẹ ruột. Khoản tiền cho các con học tập là quyền số tiết kiệm 260.000.000 đồng đã rút ra và chi phí hết.

Trong anh Q là cha ruột của các cháu, đều biết việc các cháu học hành nhưng không hề động viên, quan tâm hay chu cấp nuôi con, mà lên Toà chỉ quan tâm đến tài sản, không quan tâm đến việc chị N lấy tiền ở đâu để cho các con ăn học. Việc chị N yêu cầu được chia đôi phần đất này và nhận giá trị không phải để cho bản thân chị, mà chị mong muốn có tiền để cho các con ăn học đến khi ra trường.

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì khi chia tài sản chung cũng xem xét đến hoàn cảnh của vợ, chồng; Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên, con đã thành niên không có tài sản để tự nuôi mình để chấp nhận yêu cầu chia đôi phần đất trên của chị N.

2. Đối với phần đất đường nước qua đo đạc thực tế 576,7m², thửa 803, tờ bản đồ 09, toạ lạc: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất này chị N xác định là vợ chồng mua của ông Đặng Văn T vào năm 2012 với giá 01 lượng vàng 24k, khi mua chỉ làm giấy tay, chưa làm thủ tục chuyển tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất này chị N yêu cầu chia đôi và nhận hiện vật. Do nhu cầu hiện nay chị N cũng cần sử dụng đường nước này để lấy nước canh tác cho phần đất 04 công mà cha mẹ ruột của chị cho chị sau khi chị ly thân để chị canh tác kiếm tiền nuôi con ăn học. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Đối với các yêu cầu chia tài sản chung của anh Trương Minh Q gồm:

3.1. 02 sổ tiết kiệm: Số tiền 260.000.000 đồng và số tiền 150.000.000 đồng.

Theo chị N xác định vợ chồng có 01 sổ tiết kiệm số tiền 260.000.000 đồng. Trước đây khi khởi kiện chị N có yêu cầu chia đôi số tiền này, tuy nhiên do cháu Trương Chí Đ và cháu Trương Ngọc M1 là con chung của chị N và anh Q đi học cần tiền để đóng học phí và sinh hoạt nên chị N đã rút tiền từ khoản tiền tiết kiệm này cho các con ăn học, hiện tại số tiền tiết kiệm này không còn nên chị N đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Và trên thực tế, chị N cũng đã cung cấp cho Tòa án các giấy tờ, chứng từ chuyển tiền từ Ngân hàng chị N chuyển tiền cho Trương Chí Đại học tập tính đến hết tháng 11/2022 là 207.350.000 đồng. Và tính đến tháng 06/2024 là gần 400.000.000 đồng.

Như đã trình bày ở trên, chị N từ khi ly thân không có lao động, sống phụ thuộc vào gia đình cha mẹ ruột, anh Q thì không cung cấp tiền cho các con ăn học nên chị N chỉ còn dựa vào khoản tiền tiết kiệm 260.000.000 đồng cho các con ăn học. Nên hiện tại khoản tiền tiết kiệm này không còn là phù hợp.

Đối với sổ tiết kiệm số tiền 150.000.000 đồng thì theo chị N xác định là không có khoản tiền này

3.2. Đối với 02 lượng vàng 24K và 02 lượng vàng 18K: Chị N xác định là không có 04 lượng vàng này. Anh Q yêu cầu nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị N và anh Q là vợ chồng. Kiến nghị UBND huyện P thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của UBND xã V cấp cho anh Trương Minh Q và chị Nguyễn Thị N.

+ Về con chung: Giao con chung tên Trương Ngọc M1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh Q có, quyền và nghĩa vụ thăm mon con chung không ai được quyền cản trở.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng

+ Về tài sản chung:

Chia cho anh Q, chị N mỗi người một nửa phần đất 10.204,8m² đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do anh Trương Minh Q đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đường nước chuyển nhượng của ông

Đặng Văn T, diện tích là 576,7m², thuộc một phần thửa 803, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Anh Q nhận tài sản là quyền sử dụng đất hoàn lại giá trị cho chị N là 332.760.216 đồng.

Chia số tiền tiết kiệm 410.000.000 đồng cho chị N, anh Q mỗi người ½. Buộc chị N hoàn trả anh Q 205.000.000 đồng.

Sau khi đòi trừ nghĩa vụ thì anh Q có trách nhiệm hoàn trả lại chị N 127.760.216 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu chia 02 lượng vàng 24K và 02 lượng vàng 18K của anh Q.

Đình chỉ yêu cầu chia 01 xe Nouvo, mang biên kiểm soát 94E1. 06197, do ông Trương Minh Q đứng tên giấy đăng ký xe. (giấy đăng ký xe Trương Minh Q1 đang giữ). 01 xe Elegant, mang biển kiểm soát 94AH020.55, do ông Trương Minh Q1 đứng tên giấy đăng ký xe. (giấy đăng ký xe ông Trương Minh Q đang giữ) và yêu cầu anh Q chi phí cho việc học tập và sinh hoạt của cháu Trương Chí Đ với số tiền là 103.675.000 đồng

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản với anh Trương Minh Q, anh Q có địa chỉ cư trú tại huyện P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về hôn nhân: Theo chị Nguyễn Thị N xác định chị và anh Q sống chung từ năm 2002, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn và được UBND xã V cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/4/2005. Tuy nhiên, tại bản chính giấy chứng nhận trên thì anh Q, chị N không ký vào giấy đăng ký kết hôn. Theo lời trình bày của anh Q, chị N việc đi đăng ký kết hôn là do ông Trương Minh H1 đi đăng ký thay cho vợ chồng anh chị,

Theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính Phủ quy định về thủ tục đăng ký kết hôn: *“Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ phải có mặt, nộp tờ khai đăng ký kết hôn và xuất trình các giấy tờ sau đây:*

1. Giấy khai sinh của mỗi bên;

2. Sổ hộ khẩu gia đình của bên nam hoặc bên nữ nơi đăng ký kết hôn”

Và Điều 25 của Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính Phủ quy định về lễ đăng ký kết hôn: “*Lễ đăng ký kết hôn được tổ chức trang trọng tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký. Đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại quá khó khăn, thì lễ đăng ký kết hôn có thể được tổ chức tại bản, làng.*

*Tại lễ đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ phải có mặt, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hỏi ý kiến lần cuối của hai bên, nếu hai bên vẫn đồng ý kết hôn với nhau, thì cán bộ hộ tịch tư pháp mời họ **cùng ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn**. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và trao cho mỗi bên một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, giải thích cho hai bên về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Bản sao và số lượng bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp theo yêu cầu của hai bên nam nữ.”*

Như vậy, việc UBND xã V cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh Q và chị N là không đúng theo thủ tục mà pháp luật đã quy định nên quan hệ vợ chồng giữa anh Q, chị N không được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Trương Minh Q là vợ chồng.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 306, quyền số 02 ngày 25/4/2005 của UBND xã V. Căn cứ điểm h, khoản 1 Điều 70 Luật Hộ tịch năm 2014, kiến nghị UBND huyện P thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trên.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trương Chí Đ, sinh năm 2002 và Trương Ngọc M1, sinh năm 2009. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trương Ngọc M1. Yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu nuôi con của chị N thấy rằng:

Theo khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình giải quyết cụ án, có ghi nhận được nguyện vọng của cháu M1, hiện tại cháu đang ở với chị N, và cháu muốn tiếp tục chung sống với chị N. Xét thấy, Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu M1 cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn anh Trương Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều

82 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Trương Chí Đ đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Sau khi ly hôn thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật hôn nhân gia đình buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M1 mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi cháu M1 tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, chị N có yêu cầu chia các tài sản chung như sau:

[5.1] Phần tài sản thứ nhất: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản 10.204,8m² đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do anh Trương Minh Q đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị N xác định diện tích đất trên được cha chồng là ông Trương Minh H1 tặng cho lại hai vợ chồng khi kết hôn và đã chuyển tên sang cho anh Q đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Q xác định diện tích đất trên do ông H1 cho anh mượn sử dụng và đứng tên thay trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử, xét thấy đất có nguồn gốc là của ông H1 đã cho vợ chồng anh Q, chị N sử dụng là lúc anh chị mới kết hôn. Quá trình sử dụng đất thì ông H1 có tặng cho lại cho anh Q và anh Q đã làm thủ tục kê khai, đăng ký và đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất số AP 903163 ngày 31/7/2009.

Tại CV số 173/UBND ngày 23/01/2024 thì UBND huyện P xác định: *“Thửa số 14, tờ bản đồ 13, diện tích đất 10.204,8m² địa chỉ ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất là ông Trương Minh Q và vợ bà Nguyễn Thị N. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là cấp cho vợ chồng ông Q và bà N. Tuy nhiên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có tên ông Trương Minh Q là do sơ suất trong quá trình in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*

Do đó, có cơ sở xác định phần tài sản trên là tài sản chung của anh Q và chị N.

[5.2] Đối với phần tài sản thứ hai: Phần đất là đường thoát nước diện tích 576,7m² thuộc một phần thửa 803, tờ bản đồ số 09 đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (đường nước chuyển nhượng của ông Đặng Văn T) có vị trí, kích thước như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp đất ông Đặng Văn T có số đo 144,90m;
- Cạnh hướng Tây giáp đất ông Đặng Văn D1, ông Đặng Văn Q2 và ông Trần Văn H3 có số đo 144,90m;
- Cạnh hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn D có số đo 4,00m;

- Cạnh hướng Bắc giáp kênh thủy lợi có số đo 4,00m.

Chị N và anh Q thống nhất đây là tài sản chung của anh chị và đồng ý chia theo quy định.

[5.3] Về việc phân chia tài sản: Căn cứ Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về giải quyết quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn: *“1. Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.*

2. Việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập”

Xét thấy mặc dù phần đất 10.204,8m² có nguồn gốc là của ông H1, nhưng đã được chị N, anh Q cùng nhau sử dụng ổn định, lâu dài. Quá trình chung sống chị N đã làm ở làm dâu nhà anh Q, chăm lo cho gia đình hơn 20 năm nay khi phân chia tài sản cần ưu tiên hơn cho người phụ nữ, cần chia cho mỗi người nhận ½ giá trị tài sản, cho anh Q nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho chị N. Đối với đường nước dẫn vào diện tích đất ở trên, do vợ chồng chuyển nhượng của ông T vợ chồng cùng thống nhất chia đôi, do đó Hội đồng xét xử quyết định chia cho mỗi người nhận ½. Tuy nhiên, ưu tiên cho anh Q được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho chị N.

Theo kết quả định giá, cả hai phần đất trên có giá trị là 665.520.432 đồng. Anh Q nhận toàn bộ đất và có trách nhiệm hoàn lại cho chị N số tiền 332.760.216 đồng

[5.4] Đối với yêu cầu chia số tiền tiết kiệm 410.000.000 đồng của anh Trương Minh Q. Qua xác minh tại Ngân hàng V2, trong quá trình chung sống thì chị N và anh Q có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng số tiền 410.000.000 đồng được thể hiện tại 02 tài khoản tiết kiệm và chị N cũng xác định số tiền trên do hai vợ chồng tích cóp mà có nên việc anh Q yêu cầu chia đôi số tiền trên là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị N là người trực tiếp chăm lo cho con chung là cháu Trương Chí Đ đang học Trường đại học B và cháu Trương Ngọc M1 đang học lớp 10. Hiện tại chị N Không có nghề nghiệp gì, nên chị đã sử dụng số tiền tiết kiệm để chăm lo cho cuộc sống chung trong gia đình là chăm lo việc học tập của cháu M1 và cháu Đ. Anh Q xác định từ lúc sống ly thân đến nay mọi việc chăm lo việc học tập của

các con đều do chị N là người trực tiếp chăm lo, không có đưa tiền cho chị N lo cho các con học tập, sinh hoạt.

Theo các phiếu gửi tiền chị N đã cung cấp thể hiện chị N đã chuyển trực tiếp cho cháu đại số tiền 207.350.000 đồng và chị N xác định nhờ bà Nguyễn Thị N1 và anh Tô Minh T5 chuyển 234.250.000 đồng.

Xét các phiếu chuyển mà chị N cung cấp, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần ý kiến của chị N đã dùng số tiền tiết kiệm để chăm lo cho cuộc sống, nhu cầu thiết yếu của gia đình là chuyển tiền trực tiếp cho cháu Đ với số tiền là 207.350.000 đồng và cháu Đ cũng thừa nhận đã nhận của chị N số tiền trên. Còn đối với số tiền chị N cho rằng nhờ bà N1, ông T5 chuyển 234.250.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Đổi trừ với số tiền tiết kiệm 410.000.000 đồng - tiền chi phí cho cuộc sống gia đình 207.350.000 đồng thì thực tế số tiền còn lại của chị N, anh Q là 202.650.000 đồng, chia cho chị N, anh Q mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền trên là 101.325.000 đồng. Buộc chị N có nghĩa vụ hoàn trả anh Q số tiền 101.325.000 đồng.

Đổi trừ nghĩa vụ với nhau thì anh Trương Minh Q có nghĩa vụ hoàn trả lại chị N số tiền 231.435.216 đồng.

[5.5] Đối với yêu cầu chia 02 lượng vàng 24K và 02 lượng vàng 18K. Ngoài lời trình bày anh Q không có căn cứ nào để chứng minh, chị N thì không thừa nhận việc vợ chồng có số vàng trên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của anh Q.

[6] Đối với các yêu cầu của chị N chia 01 xe Nouvo, mang biển kiểm soát 94E1-06197, do anh Trương Minh Q đứng tên giấy đăng ký xe. 01 xe Elegant, mang biển kiểm soát 94AH020.55, chia số tiền tiết kiệm 260.000.000 đồng và yêu cầu anh Q chi phí cho việc học tập và sinh hoạt của cháu Trương Chí Đ với số tiền là 103.675.000 đồng; chia diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và chia diện tích đất 15.600m², tọa lạc tại: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Chị N đã rút toàn bộ yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết các yêu cầu trên của chị N.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 5.556.720 đồng. Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Minh Q mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$. Chị N đã dự nộp và chi phí hết nên anh Q3 có trách nhiệm hoàn trả lại chị N số tiền là 2.778.360 đồng.

[8] Về án phí: Án Phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải chịu 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị N phải chịu 21.367.817 đồng;

Anh Trương Minh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 21.367.817 đồng.

Từ những nhận định trên, xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về hôn nhân, con chung, cấp dưỡng nuôi con; đối với phần chia tài sản chung được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 217, 271, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015

Áp Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 1998 của Chính Phủ về đăng ký hộ tịch

Áp dụng Luật hộ tịch năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Trương Minh Q là vợ chồng.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 306, quyển số 02 ngày 25/4/2005 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trương Ngọc M1, sinh ngày 12/02/2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M1 tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Q có, quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Ngọc M1 mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi cháu M1 tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 21/6/2024.

4. *Về tài sản chung*:

4.1. Chia cho anh Trương Minh Q được nhận các tài sản sau:

- Phần đất thửa số 14, tờ bản đồ 13, diện tích đất 10.204,8m², đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất số AP 903163 ngày 31/7/2009 cho anh Trương Minh Q. Hiện tại diện tích đất trên anh Trương Minh Q đang quản lý, sử dụng nên giao cho anh Q tiếp tục quản lý, sử dụng

- Phần đất là đường thoát nước diện tích 576,7m² thuộc một phần thửa 803, tờ bản đồ số 09 đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (đường nước chuyển nhượng của ông Đặng Văn T) có vị trí, kích thước như sau:

- + Cạnh hướng Đông giáp đất ông Đặng Văn T có số đo 144,90m;
- + Cạnh hướng Tây giáp đất ông Đặng Văn D1, ông Đặng Văn Q2 và ông Trần Văn H3 có số đo 144,90m;
- + Cạnh hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn D có số đo 4,00m;
- + Cạnh hướng Bắc giáp kênh thủy lợi có số đo 4,00m.

Hiện tại diện tích đất trên ông Trương Minh Q đang quản lý, sử dụng nên giao cho anh Q tiếp tục quản lý, sử dụng

- Số tiền 101.325.000 đồng, hiện nay chị Nguyễn Thị N đang quản lý nên buộc chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm giao lại cho anh Trương Minh Q.

4.2. Chia cho chị Nguyễn Thị N các tài sản sau:

- Phần giá trị tài sản là quyền sử dụng đất số tiền 332.760.216 đồng.

Đối trừ nghĩa vụ của anh Q và chị N, thì buộc anh Trương Minh Q có trách nhiệm trả lại cho chị N số tiền là 231.435.216 đồng.

- Số tiền 101.325.000 đồng, hiện chị N đang quản lý, sử dụng nên tiếp tục giao chị N quản lý, sử dụng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. Không chấp nhận yêu cầu chia 02 chỉ vàng 18K và 02 chỉ vàng 24K của anh Trương Minh Q.

6. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị N chia 01 xe Nouvo, mang biển kiểm soát 94E1- 06197, do ông Trương Minh Q đứng tên giấy đăng ký xe. 01 xe Elegant, mang biển kiểm soát 94AH-020.55; yêu cầu chia tiền 260.000.000 đồng và yêu cầu anh Q chi phí cho việc học tập và sinh hoạt của cháu Trương

Chí Đ với số tiền là 103.675.000 đồng; chia diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và chia diện tích đất 15.600m², tọa lạc tại: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 5.556.720 đồng. Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Minh Q mỗi người phải chịu ½. Chị N đã dự nộp và chi phí hết nên buộc anh Q có trách nhiệm hoàn trả lại chị N số tiền là 2.778.360 đồng.

8. Về án phí: Án Phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch chị N phải chịu 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị N phải chịu 21.367.817 đồng. Chị Nguyễn Thị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 21.225.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005063 ngày 01 tháng 3 năm 2022 và biên lai thu tiền số 2.590.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005533 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Chị Nguyễn Thị N còn được nhận lại 2.147.183 đồng.

Anh Trương Minh Q phải chịu án phí không có giá ngạch cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 21.367.817 đồng.

9. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Phú Tây;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Quốc Bảo Trần Văn Phước

Triệu Thanh Liêm

